TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25/2019/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 27 tháng 02 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 09/2018/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị H Sinh năm 1982

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc S Sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: Xóm TL, xã MĐ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H:

Bà Phan Thùy Linh – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55,57,81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20/02/2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20/02/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đinh Thị H và anh Nguyễn Ngọc S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Hai bên thống nhất có 02 con chung tên là Nguyễn Thương H1, sinh ngày 07/02/2007 và Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 02/8/2012, hiện nay 2 cháu đang sống với chị H. Sau khi ly hôn hai bên thỏa thuận: Chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu H1 đến khi thành niên. Anh S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Đ đến khi thành niên. Hai bên không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Chị H và anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung; Cho vay, đi vay; Cấp dưỡng giữa vợ và chồng: Chị H và anh S cùng thống nhất không có và không yêu cầu.

2.3. Về công sức đóng góp: Chị H xác định thời gian sống chung sau cưới với bố mẹ chồng được 01 năm, sau đó ở riêng. Nay tự nguyện không yêu cầu công sức.

2.4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H tự nguyện toàn bộ án phí thay cho cả anh S là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018 – 0000860 ngày 05/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ. Chị H được trả lại 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- CC.THADS huyện T;
- UBND xã MĐ (vào sổ hộ tịch);
- Các bên đương sự;
- TGVPL;
- Lưu: HS, VP.

THẨM PHÁN

Phạm Tuấn Anh